TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHƯỚC LONG** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 16 – 01 – 2025
Về việc ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Đào

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Quốc Bảo

2. Ông Trần Văn Phước

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Diễm Hằng, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Vũ Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 302/2024/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2024 về việc "ly hôn, nuôi con chung", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 434/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Huỳnh Cẩm T (C), sinh năm 1996
Địa chỉ: Ấp A, xã P, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.
Bị đơn: Anh Ngô Chí N, sinh năm 1993
Địa chỉ: Ấp V, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

(Chị T, anh N vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 25 tháng 10 năm 2024 và lời khai tại Tòa án nguyên đơn chị Huỳnh Cẩm T (C) trình bày: Chị và anh Ngô Chí N tự nguyện chung sống vợ chồng từ năm 2016, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, thị xã G, tỉnh Bạc

Liêu theo Giấy chứng nhận kết hôn số 69 ngày 27/12/2016. Quá trình chung sống, chị T và anh Nhân tính T1 không hòa hợp, bất đồng quan điểm nên thường phát sinh mâu thuẫn. Vì vậy, chị và anh N đã ly thân từ tháng 7 năm 2018 cho đến nay. Trong thời gian ly thân, chị và anh N không có liên lạc để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N. Về con chung, chị yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Ngô Ngọc Lan A, sinh ngày 19/11/2016, chị không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Hiện cháu Lan A đang sống chung với chị. Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Ngô Chí N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên Tòa án không lấy được lời khai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, riêng bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại khoản 15, 16 Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, giải quyết cho chị Huỳnh Cẩm T (C) ly hôn với anh Ngô Chí N. Về con chung: Giao cháu Ngô Ngọc Lan A, sinh ngày 19/11/2016 cho chị Huỳnh Cẩm T (C) tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Ngô Chí N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết. Về án phí, chị T phải chịu 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng: Chị Huỳnh Cẩm T (C) khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Ngô Chí N. Khi khởi kiện, anh N trú tại ấp V, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Phước Long thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, chị T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng

mặt nên Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt chị T và anh N theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Chị Huỳnh Cẩm T (C) và anh Ngô Chí N xây dựng hôn nhân năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu theo Giấy chứng nhận kết hôn số 69 ngày 27/12/2016 nên hôn nhân giữa chị T và anh N là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét thấy, theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình. Tuy nhiên, theo Quá trình chung sống, chị T và anh Nhân tính T1 không hòa hợp, bất đồng quan điểm nên thường phát sinh mâu thuẫn. Vì vậy, chị và anh N đã ly thân từ tháng 7 năm 2018 cho đến nay. Trong thời gian ly thân, chị và anh N không có liên lạc để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Mặt khác, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh N không đến Tòa án và cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị T, như vậy anh N đã bỏ mặc mối quan hệ hôn nhân này. Từ đó, cho thấy hôn nhân giữa chị T và anh N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T, cho chị T được ly hôn với anh N.

[4] Về con chung: Quá trình chung sống, chị T và anh N có một người con là cháu Ngô Ngọc Lan A, sinh ngày 19/11/2016. Chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Lan A, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Anh N đã được Tòa án thông báo về việc yêu cầu nuôi con chung của chị T nhưng anh N không có ý kiến phản đối gì đối với yêu cầu của chị T. Xét thấy, từ khi ly thân, chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ngô Ngọc Lan A và chăm sóc tốt cho cháu, tạo điều kiện cho cháu phát triển tốt về thể chất và tinh thần. Vì vậy, để không làm thay đổi cuộc sống ổn định và bảo đảm quyền lợi mọi mặt của cháu Lan A, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu của chị T: Giao cháu Ngô Ngọc Lan A, sinh ngày 19/11/2016 cho chị T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

[5] Về cấp dưỡng: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng. Anh Ngô Chí N không phải chịu án phí.

[8] Từ những phân tích trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 19, Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Huỳnh Cẩm T (C) đối với anh Ngô Chí N. Cho chị Huỳnh Cẩm T (C) ly hôn với anh Ngô Chí N.

2. Về con chung:

2.1. Giao cháu Ngô Ngọc Lan A, sinh ngày 19/11/2016 cho chị Huỳnh Cẩm T (C) tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Hiện cháu Ngô Ngọc Lan A đang sống với chị Huỳnh Cẩm T (C). Anh Ngô Chí N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

2.2. Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và Gia đình: Chị Huỳnh Cẩm T (C) phải chịu số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Chị Huỳnh Cẩm T (C) đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0007083 ngày 25 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long được chuyển thu án phí. Anh Ngô Chí N không phải chịu án phí.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Phước Long;
- Chi Cục THADS huyện Phước Long;
- UBND xã Phong Thạnh Đông, thị xã Giá Rai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

Nguyễn Hồng Đào